

**CÔNG TY CỔ PHẦN ĐẦU TƯ VÀ PHÁT TRIỂN
NĂNG LƯỢNG VIỆT NAM**

BÁO CÁO TÀI CHÍNH ĐÃ ĐƯỢC KIỂM TOÁN

CHO NĂM TÀI CHÍNH KẾT THÚC NGÀY 31/12/2024

MỤC LỤC

NỘI DUNG	TRANG
BÁO CÁO CỦA BAN GIÁM ĐỐC	2 – 3
BÁO CÁO KIỂM TOÁN ĐỘC LẬP	4 – 6
BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN	7 – 8
BÁO CÁO KẾT QUẢ HOẠT ĐỘNG KINH DOANH	9
BÁO CÁO LƯU CHUYỂN TIỀN TỆ	10 – 11
THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH	12 – 38



BÁO CÁO CỦA BAN GIÁM ĐỐC

Ban Giám đốc Công ty Cổ phần Đầu tư và Phát triển năng lượng Việt Nam (sau đây được gọi là “Công ty”) đề trình Báo cáo này cùng với Báo cáo tài chính đã được kiểm toán cho năm tài chính kết thúc ngày 31/12/2024.

HỘI ĐỒNG QUẢN TRỊ, BAN KIỂM SOÁT VÀ BAN GIÁM ĐỐC

Các thành viên Hội đồng Quản trị, Ban Kiểm soát và Ban Giám đốc đã điều hành Công ty trong năm tài chính kết thúc ngày 31/12/2024 và đến ngày lập Báo cáo này gồm:

Hội đồng Quản trị

Ông Nguyễn Đình Chiến	Chủ tịch (bổ nhiệm ngày 23/09/2024)
Ông Nguyễn Văn Anh	Chủ tịch (thôi chức vụ từ ngày 25/05/2024)
Ông Nguyễn Thành Quang	Chủ tịch (bổ nhiệm ngày 25/05/2024)
Ông Nguyễn Thành Quang	Chủ tịch (từ nhiệm ngày 23/09/2024)
Ông Trịnh Nguyên Khánh	Thành viên (từ nhiệm ngày 14/02/2025)
Ông Nguyễn Đình Chiến	Thành viên (đến ngày 23/09/2024)
Ông Nguyễn Đình Công	Thành viên (bổ nhiệm ngày 09/11/2024)
Ông Lại Thế Vĩnh	Thành viên (từ nhiệm ngày 02/04/2025)
Ông Dương Văn Sơn	Thành viên (miễn nhiệm ngày 25/05/2024)

Ban Kiểm soát

Ông Vương Quốc Huy	Trưởng Ban (bổ nhiệm ngày 12/06/2024)
Bà Nguyễn Thị Huyền Trang	Trưởng Ban (miễn nhiệm ngày 25/05/2024)
Ông Vương Quốc Huy	Thành viên (bổ nhiệm ngày 25/05/2024; thôi chức vụ ngày 12/06/2024)
Bà Nguyễn Thị Vân Anh	Thành viên
Ông Vũ Hà Nam	Thành viên

Ban Giám đốc

Ông Nguyễn Đình Công	Giám đốc (Bổ nhiệm ngày 15/03/2025)
Ông Lại Thế Vĩnh	Giám đốc (Miễn nhiệm ngày 15/03/2025)
Ông Nguyễn Văn Đức	Phó Giám đốc (Bổ nhiệm ngày 15/03/2025)
Ông Dương Văn Sơn	Phó Giám đốc (Miễn nhiệm ngày 15/03/2025)

Kế toán trưởng

Bà Phạm Thị Lan Hương	Bổ nhiệm ngày 15/03/2025
Bà Nguyễn Thị Thanh Huyền	Miễn nhiệm ngày 15/03/2025
Bà Nguyễn Thị Thanh Huyền	Bổ nhiệm ngày 01/07/2024
Ông Dương Văn Sơn	Miễn nhiệm ngày 01/07/2024

CÁC SỰ KIỆN PHÁT SINH SAU NGÀY KẾT THÚC NĂM TÀI CHÍNH

Ban Giám đốc khẳng định rằng không có bất cứ sự kiện quan trọng nào xảy ra sau ngày kết thúc năm tài chính có ảnh hưởng trọng yếu, đòi hỏi phải điều chỉnh hoặc công bố trên báo cáo tài chính kèm theo.

BÁO CÁO CỦA BAN GIÁM ĐỐC (TIẾP)

KIỂM TOÁN VIÊN

Báo cáo tài chính cho năm tài chính kết thúc ngày 31/12/2024 của Công ty kèm theo được kiểm toán bởi Công ty TNHH Kiểm toán và Tư vấn UHY.

TRÁCH NHIỆM CỦA BAN GIÁM ĐỐC

Ban Giám đốc Công ty có trách nhiệm lập Báo cáo tài chính cho năm tài chính kết thúc ngày 31/12/2024, phản ánh một cách trung thực và hợp lý tình hình tài chính của Công ty cũng như kết quả hoạt động kinh doanh và tình hình lưu chuyển tiền tệ của Công ty trong năm. Trong việc lập Báo cáo tài chính này, Ban Giám đốc cam kết đã tuân thủ:

- Lựa chọn các chính sách kế toán thích hợp và áp dụng các chính sách đó một cách nhất quán;
- Đưa ra các phán đoán và ước tính một cách hợp lý và thận trọng;
- Nêu rõ các nguyên tắc kế toán thích hợp có được tuân thủ hay không, có những áp dụng sai lệch trọng yếu cần được công bố và giải thích trong Báo cáo tài chính hay không;
- Lập Báo cáo tài chính trên cơ sở hoạt động liên tục trừ trường hợp không thể cho rằng Công ty sẽ tiếp tục hoạt động kinh doanh.
- Thiết lập và thực hiện hệ thống kiểm soát nội bộ một cách hữu hiệu nhằm hạn chế rủi ro có sai sót trọng yếu do gian lận hoặc nhầm lẫn trong việc lập và trình bày Báo cáo tài chính.

Ban Giám đốc Công ty chịu trách nhiệm đảm bảo rằng sổ sách kế toán được ghi chép một cách phù hợp để phản ánh một cách hợp lý tình hình tài chính của Công ty ở bất kỳ thời điểm nào và đảm bảo rằng Báo cáo tài chính tuân thủ các Chuẩn mực kế toán Việt Nam, Chế độ kế toán doanh nghiệp Việt Nam và các quy định pháp lý có liên quan đến việc lập và trình bày Báo cáo tài chính. Ngoài ra, Ban Giám đốc cũng chịu trách nhiệm đảm bảo an toàn cho tài sản của Công ty và vì vậy thực hiện các biện pháp thích hợp để ngăn chặn và phát hiện các hành vi gian lận và sai phạm khác.

Thay mặt và đại diện cho Ban Giám đốc,



Nguyễn Đình Công
Giám đốc

Hà Nội, ngày 19 tháng 06 năm 2025

Số: 710/2025/UHY-BCKT

uhy.vn

BÁO CÁO KIỂM TOÁN ĐỘC LẬP

**Kính gửi: Các Cổ đông, Hội đồng Quản trị và Ban Giám đốc
Công ty Cổ phần Đầu tư và Phát triển năng lượng Việt Nam**

Chúng tôi đã kiểm toán Báo cáo tài chính cho năm tài chính kết thúc ngày 31/12/2024 kèm theo của Công ty Cổ phần Đầu tư và Phát triển năng lượng Việt Nam (sau đây được gọi là “Công ty”) được lập ngày 19 tháng 06 năm 2025, từ trang 06 đến trang 38 bao gồm: Bảng cân đối kế toán tại ngày 31/12/2024, Báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh, Báo cáo lưu chuyển tiền tệ cho năm tài chính kết thúc cùng ngày và Bản Thuyết minh báo cáo tài chính.

Trách nhiệm của Ban Giám đốc

Ban Giám đốc Công ty chịu trách nhiệm về việc lập và trình bày trung thực và hợp lý Báo cáo tài chính của Công ty theo Chuẩn mực kế toán, Chế độ kế toán doanh nghiệp Việt Nam và các quy định pháp lý có liên quan đến việc lập và trình bày Báo cáo tài chính và chịu trách nhiệm về kiểm soát nội bộ mà Ban Giám đốc xác định là cần thiết để đảm bảo cho việc lập và trình bày Báo cáo tài chính không có sai sót trọng yếu do gian lận hoặc nhầm lẫn.

Trách nhiệm của Kiểm toán viên

Trách nhiệm của chúng tôi là đưa ra ý kiến về báo cáo tài chính dựa trên kết quả của cuộc kiểm toán được thực hiện theo các chuẩn mực kiểm toán Việt Nam. Tuy nhiên, do vấn đề mô tả tại đoạn “Cơ sở của việc từ chối đưa ra ý kiến”, chúng tôi đã không thể thu thập được đầy đủ bằng chứng kiểm toán thích hợp để làm cơ sở đưa ra ý kiến kiểm toán.

Cơ sở của việc từ chối đưa ra ý kiến

Đến ngày lập báo cáo này, chúng tôi chưa nhận được xác nhận cho số dư tại ngày 01/01/2024 của một số khoản mục được trình bày trên báo cáo tài chính như sau: Các khoản đầu tư tài chính dài hạn trị giá khoảng 3,6 tỷ đồng; Phải thu khác trị giá khoảng 1,8 tỷ đồng; Phải thu khách hàng trị giá khoảng 7,3 tỷ đồng; Người mua trả trước trị giá khoảng 7,7 tỷ đồng; Phải trả cho người bán, tỷ lệ 93%, khoảng 1,1 tỷ đồng; Trả trước cho người bán trị giá khoảng 208 triệu đồng; Phải trả khác trị giá khoảng 9,1 tỷ đồng. Ngoài ra, chúng tôi cũng chưa thu thập đầy đủ xác nhận số dư tại ngày 31/12/2024 của một số khoản mục được trình bày trên báo cáo tài chính như sau: Các khoản đầu tư tài chính dài hạn trị giá khoảng 3,6 tỷ đồng; Phải thu khác trị giá khoảng 1,8 tỷ đồng; Phải thu khách hàng trị giá khoảng 5,8 tỷ đồng; Người mua trả trước trị giá khoảng 3 tỷ đồng; Phải trả cho người bán trị giá khoảng 333 triệu đồng; Trả trước cho người bán trị giá khoảng 214 triệu đồng; Phải trả khác trị giá khoảng 9 tỷ đồng và Vốn chủ sở hữu với giá trị là 56,25 tỷ đồng (chúng tôi chưa được cung cấp danh sách cổ đông cập nhật tại ngày 31/12/2024 và cập nhật đến ngày lập báo cáo này). Chúng tôi cũng không thể thực hiện được thủ tục kiểm toán thay thế nào khác để xác định được tính hiện hữu, đầy đủ và chính xác của các khoản mục này và cũng không thể đánh giá được các ảnh hưởng liên quan đến các khoản mục khác trên báo cáo tài chính kèm theo của Công ty.

Như đã trình bày tại Thuyết minh số V.2 về các khoản đầu tư tài chính, Công ty đã trích lập dự phòng đầu tư tài chính 100% giá gốc đối với các khoản đầu tư này. Chúng tôi chưa được cung cấp tài liệu về tình hình hoạt động kinh doanh, báo cáo tài chính của các bên nhận đầu tư. Ngoài ra chúng tôi cũng không thể thu thập được bằng chứng kiểm toán thay thế để có đủ cơ sở đưa ra ý kiến về các khoản đầu tư này, theo đó chúng tôi không thể đưa ra ý kiến về tính đúng đắn về giá trị các khoản đầu tư này cũng như ảnh hưởng của chúng đến các khoản mục liên quan trên Báo cáo tài chính của Công ty.

BÁO CÁO KIỂM TOÁN ĐỘC LẬP (TIẾP)

Cơ sở của việc từ chối đưa ra ý kiến (tiếp)

Công ty đã ghi nhận toàn bộ khoản 10,227 tỷ đồng tiền nợ lãi tính trên lãi chậm trả được xóa vào thu nhập khác năm 2024. Khoản tiền này liên quan đến tiền nợ lãi tính trên lãi chậm trả của nhiều năm, tính đến ngày 31/12/2023, Công ty đã hạch toán chi phí tương ứng tiền lãi phát sinh từng năm, đến năm 2024 được Ngân hàng Phát triển Việt Nam - Chi nhánh Hòa Bình thông báo xóa nợ. Theo chuẩn mực và chế độ kế toán hiện hành, khoản nợ lãi được xóa này cần được điều chỉnh hồi tố giảm chi phí của các năm tài chính liên quan, việc ghi nhận toàn bộ vào thu nhập khác của năm 2024 đã làm tăng thu nhập khác năm 2024 và giảm lỗ lũy kế tại ngày 31/12/2024 của Công ty với giá trị 10,227 tỷ đồng.

Như đã trình bày tại Thuyết minh số V.13, khoản phải trả Ngân hàng TMCP Nhà Hà Nội (Habubank), nay là Ngân hàng TMCP Sài Gòn - Hà Nội (SHB) với số tiền 9,047 tỷ đồng là khoản nợ vay từ nhiều năm trước. Năm 2021, SHB đã khởi kiện Công ty ra Tòa án nhân dân Quận Thanh Xuân, tuy nhiên đến ngày 17/01/2013, Tòa án nhân dân Quận Thanh Xuân đã ban hành quyết định số 03/2013/QĐST-DS đình chỉ giải quyết vụ án dân sự với lý do “Người khởi kiện rút đơn kiện và được Tòa án chấp nhận”. Tranh chấp này đã được đình chỉ giải quyết khoảng 10 năm, tại ngày 31/12/2024, Công ty vẫn hạch toán là khoản phải trả và chưa có quyết định hay phê duyệt nào về khoản phải trả này.

Như đã trình bày tại Thuyết minh số V.13 và V.14 về khoản lãi và gốc vay phải trả cho Ngân hàng Phát triển Việt Nam - Chi nhánh Hòa Bình, tại ngày 31/12/2024 nợ gốc vay và lãi vay phải trả lần lượt là 12,904 tỷ đồng và 23,727 tỷ đồng; toàn bộ số nợ gốc và lãi vay này đều đã quá hạn thanh toán, bao gồm: nợ gốc quá hạn là 12,904 tỷ đồng, nợ lãi quá hạn là 23,727 tỷ đồng. Đến thời điểm lập Báo cáo, chúng tôi chưa nhận được văn bản thỏa thuận nào về việc chấp thuận gia hạn thanh toán từ Ngân hàng và chưa đánh giá được liệu có các sự kiện về kiện tụng tiềm tàng có liên quan đến khả năng hoạt động liên tục của Công ty hay không.

Như đã trình bày tại Thuyết minh số V.4, Công ty đã tạm ứng cho nhân viên số tiền 2,2 tỷ đồng để thực hiện nghiên cứu và đầu tư kinh doanh hạ tầng Cụm công nghiệp Nuông Dăm. Tại ngày lập báo cáo này, dự án chưa được chấp thuận bởi Ủy ban nhân dân Tỉnh Hòa Bình về việc bổ sung quy hoạch. Ngoài ra, Nghị quyết đầu tư dự án này chưa được Đại hội đồng cổ đông thông qua. Chúng tôi chưa thu thập được cơ sở đánh giá khả năng thu hồi khoản tạm ứng này.

Công ty đã hạch toán một số chi phí nhiên liệu xe ô tô phát sinh trong năm 2023 vào chi phí của năm 2024, khoản chi phí này của các khóa đào tạo chưa hoàn thành trong năm 2023 và sẽ tiếp tục thực hiện hoàn thành trong năm 2024. Chúng tôi không thu thập được đầy đủ bằng chứng kiểm toán để xác định được khoản chi phí này, do đó không thể đánh giá được liệu có cần thiết phải điều chỉnh số liệu của các năm tài chính kết thúc ngày 31/12/2023 và 31/12/2024 liên quan đến các khoản mục Chi phí sản xuất kinh doanh dở dang, lỗ lũy kế trên Bảng cân đối kế toán, lỗ trước thuế trên Báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh, các khoản phải trả hay không.

Công ty hạch toán toàn bộ chi phí thuê xe phục vụ đào tạo phát sinh trong năm vào Giá vốn của năm tài chính 2024 mà chưa xác định chi phí dở dang tương ứng với phần doanh thu cung cấp dịch vụ đào tạo chưa được ghi nhận. Với tài liệu, chứng từ hiện có, chúng tôi không thể xác định được khoản chi phí dở dang này tại ngày 31/12/2024 nên không thể đánh giá được liệu có cần thiết phải điều chỉnh khoản mục Giá vốn trên Báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh và Chi phí sản xuất kinh doanh dở dang trên Bảng cân đối kế toán hay không.

Năm 2024 Công ty không trích khấu hao đối với một số tài sản cố định (TSCĐ) phục vụ hoạt động sản xuất viên gốm nên do hoạt động sản xuất đã ngừng. Các TSCĐ này chưa hết khấu hao, vẫn thuộc sở hữu của Công ty, được quản lý, theo dõi, hạch toán trong sổ sách kế toán của Công ty nên vẫn phải trích khấu hao theo quy định. Việc không trích khấu hao đối với các TSCĐ này dẫn đến ghi nhận chi phí của Công ty thấp hơn thực tế 1,147 tỷ đồng, theo đó chỉ tiêu Chi phí khác trên Báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh năm 2024 và khoản lỗ lũy kế tại ngày 31/12/2024 của Công ty giảm với giá trị tương ứng.

BÁO CÁO KIỂM TOÁN ĐỘC LẬP (TIẾP)

Từ chối đưa ra ý kiến

Do tầm quan trọng của các vấn đề nêu tại đoạn “Cơ sở của việc từ chối đưa ra ý kiến”, chúng tôi không thể thu thập được đầy đủ bằng chứng kiểm toán thích hợp để làm cơ sở đưa ra ý kiến kiểm toán. Do đó, chúng tôi không thể đưa ra ý kiến kiểm toán về Báo cáo tài chính kèm theo.

Vấn đề cần nhấn mạnh

Chúng tôi xin lưu ý người đọc đến Thuyết minh số VII.3 phần Thuyết minh Báo cáo tài chính: Tại thời điểm 31/12/2024, Nợ ngắn hạn đã vượt quá Tài sản ngắn hạn với giá trị 47.548.688.701 đồng, lũy kế của Công ty đến 31/12/2024 là 79.928.416.208 đồng, vượt quá vốn góp của chủ sở hữu, khả năng tiếp tục hoạt động của Công ty phụ thuộc vào việc hoạt động có lãi trong tương lai và hỗ trợ tài chính từ các chủ sở hữu. Những yếu tố này chỉ ra sự tồn tại của yếu tố không chắc chắn trọng yếu có thể gây ra sự nghi ngờ đáng kể về khả năng hoạt động liên tục của Công ty. Báo cáo tài chính của Công ty được lập dựa trên giả định hoạt động liên tục.

Ý kiến kiểm toán của chúng tôi không liên quan đến các vấn đề cần nhấn mạnh trên.

Vấn đề khác

Báo cáo tài chính cho năm tài chính kết thúc ngày 31/12/2023 của Công ty đã được kiểm toán bởi Công ty kiểm toán khác và kiểm toán viên đã Từ chối đưa ra ý kiến về báo cáo tài chính này tại Báo cáo kiểm toán số 018/2023/HĐKT-DFKHN ngày 31/03/2024.



Hà Minh Long

Phó Tổng Giám đốc

Giấy CNĐKHN kiểm toán số 1221-2023-112-1

Thay mặt và đại diện cho

CÔNG TY TNHH KIỂM TOÁN VÀ TƯ VẤN UHY

Hà Nội, ngày 19 tháng 06 năm 2025

Lê Đức Hạnh

Kiểm toán viên

Giấy CNĐKHN kiểm toán số 3340-2025-112-1

BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN

Tại ngày 31/12/2024

TÀI SẢN	Mã số	Thuyết minh	31/12/2024 VND	01/01/2024 VND
TÀI SẢN NGẮN HẠN	100		16.721.231.301	13.810.052.297
Tiền và các khoản tương đương tiền	110	V.1	7.464.032.692	2.354.813.607
Tiền	111		7.464.032.692	2.354.813.607
Các khoản phải thu ngắn hạn	130		7.311.793.302	10.077.944.999
Phải thu ngắn hạn của khách hàng	131	V.3	6.687.776.047	5.891.410.601
Trả trước cho người bán ngắn hạn	132		448.299.216	213.950.000
Phải thu ngắn hạn khác	136	V.4	7.747.149.183	11.544.015.542
Dự phòng phải thu ngắn hạn khó đòi	137	V.5	(7.571.431.144)	(7.571.431.144)
Hàng tồn kho	140	V.6	924.445.481	350.271.443
Hàng tồn kho	141		1.045.276.213	350.271.443
Dự phòng giảm giá hàng tồn kho	149		(120.830.732)	-
Tài sản ngắn hạn khác	150		1.020.959.826	1.027.022.248
Chi phí trả trước ngắn hạn	151	V.7	14.884.997	2.964.851
Thuế GTGT được khấu trừ	152		996.386.009	988.147.405
Thuế và các khoản khác phải thu Nhà nước	153	V.12	9.688.820	35.909.992
TÀI SẢN DÀI HẠN	200		33.074.377.978	32.712.269.088
Tài sản cố định	220		31.564.037.205	31.724.111.565
Tài sản cố định hữu hình	221	V.8	29.883.931.744	29.964.165.538
- Nguyên giá	222		80.672.215.762	78.291.394.489
- Giá trị hao mòn lũy kế	223		(50.788.284.018)	(48.327.228.951)
Tài sản cố định vô hình	227	V.9	1.680.105.461	1.759.946.027
- Nguyên giá	228		4.882.492.842	4.809.292.842
- Giá trị hao mòn lũy kế	229		(3.202.387.381)	(3.049.346.815)
Đầu tư tài chính dài hạn	250	V.2	-	-
Đầu tư vào công ty liên doanh, liên kết	252		3.126.131.763	3.126.131.763
Đầu tư góp vốn vào các đơn vị khác	253		500.000.000	500.000.000
Dự phòng đầu tư tài chính dài hạn	254		(3.626.131.763)	(3.626.131.763)
Tài sản dài hạn khác	260		1.510.340.773	988.157.523
Chi phí trả trước dài hạn	261	V.7	1.510.340.773	988.157.523
TỔNG TÀI SẢN	270		49.795.609.279	46.522.321.385

1945
CÔNG TY
IỂN
HÁT TRI
NĂNG
VIỆT NAM
IP H

BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN (TIẾP)
Tại ngày 31/12/2024

NGUỒN VỐN	Mã số	Thuyết minh	31/12/2024 VND	01/01/2024 VND
NỢ PHẢI TRẢ	300		64.149.954.002	66.684.861.260
Nợ ngắn hạn	310		64.149.954.002	66.684.861.260
Phải trả người bán ngắn hạn	311	V.10	461.428.488	565.853.451
Người mua trả tiền trước ngắn hạn	312	V.11	11.752.455.000	3.048.520.000
Thuế và các khoản phải nộp Nhà nước	313	V.12	949.685.693	269.563.475
Phải trả người lao động	314		4.603.537.247	1.893.317.426
Chi phí phải trả ngắn hạn	315		-	76.000.000
Phải trả ngắn hạn khác	319	V.13	33.400.964.263	41.999.723.597
Vay và nợ thuê tài chính ngắn hạn	320	V.14	12.904.600.720	18.754.600.720
Quỹ khen thưởng, phúc lợi	322		77.282.591	77.282.591
VỐN CHỦ SỞ HỮU	400	V.15	(14.354.344.723)	(20.162.539.875)
Vốn chủ sở hữu	410		(14.354.344.723)	(20.162.539.875)
Vốn góp của chủ sở hữu	411		56.250.000.000	56.250.000.000
- Cổ phiếu phổ thông có quyền biểu quyết	411a		56.250.000.000	56.250.000.000
Thặng dư vốn cổ phần	412		8.922.401.000	8.922.401.000
Quỹ đầu tư phát triển	418		204.421.894	204.421.894
Quỹ khác thuộc vốn chủ sở hữu	420		77.282.591	77.282.591
Lợi nhuận sau thuế chưa phân phối	421		(79.808.450.208)	(85.616.645.360)
- LNST chưa phân phối lũy kế đến cuối năm trước	421a		(85.616.645.360)	(76.654.726.655)
- LNST chưa phân phối năm nay	421b		5.808.195.152	(8.961.918.705)
TỔNG NGUỒN VỐN	440		49.795.609.279	46.522.321.385

Hà Nội, ngày 19 tháng 06 năm 2025

Người lập biểu

Kế toán trưởng

Giám đốc





Vũ Thị Trang

Phạm Thị Lan Hương

Nguyễn Đình Công

BÁO CÁO KẾT QUẢ HOẠT ĐỘNG KINH DOANH
Cho năm tài chính kết thúc ngày 31/12/2024

Chỉ tiêu	Mã số	Thuyết	Năm 2024 VND	Năm 2023 VND
Doanh thu bán hàng và cung cấp dịch vụ	01	VI.1	70.565.828.494	28.562.323.416
Các khoản giảm trừ doanh thu	02		-	1.111.111
Doanh thu thuần bán hàng và cung cấp dịch vụ	10		70.565.828.494	28.561.212.305
Giá vốn hàng bán	11	VI.2	64.066.288.104	26.948.754.156
Lợi nhuận gộp về bán hàng và cung cấp dịch vụ	20		6.499.540.390	1.612.458.149
Doanh thu hoạt động tài chính	21	VI.3	68.635.704	3.567.143.701
Chi phí tài chính	22	VI.4	2.315.876.449	4.652.159.038
Trong đó: Chi phí lãi vay	23		2.315.876.449	4.652.159.038
Chi phí bán hàng	25		-	-
Chi phí quản lý doanh nghiệp	26	VI.5	9.139.270.193	7.112.879.961
Lợi nhuận thuần từ hoạt động kinh doanh	30		(4.886.970.548)	(6.585.437.149)
Thu nhập khác	31	VI.6	10.763.102.936	352.910.091
Chi phí khác	32	VI.7	67.937.236	2.729.391.647
Lợi nhuận khác	40		10.695.165.700	(2.376.481.556)
Tổng lợi nhuận kế toán trước thuế	50		5.808.195.152	(8.961.918.705)
Chi phí thuế TNDN hiện hành	51	VI.8	-	-
Chi phí thuế TNDN hoãn lại	52		-	-
Lợi nhuận sau thuế thu nhập doanh nghiệp	60		5.808.195.152	(8.961.918.705)
Lãi cơ bản trên cổ phiếu	70	VI.9	1.033	(1.593)

Hà Nội, ngày 19 tháng 06 năm 2025

Người lập biểu

Kế toán trưởng

Giám đốc





Vũ Thị Trang

Phạm Thị Lan Hương

Nguyễn Đình Công

BÁO CÁO LƯU CHUYỂN TIỀN TỆ
(Theo phương pháp gián tiếp)
Cho năm tài chính kết thúc ngày 31/12/2024

Chỉ tiêu	Mã số	Thuyết minh	Năm 2024 VND	Năm 2023 VND
Lưu chuyển tiền từ hoạt động kinh doanh				
Lợi nhuận trước thuế	01		5.808.195.152	(8.961.918.705)
Điều chỉnh cho các khoản				
Khấu hao TSCĐ và BĐSĐT	02		2.614.095.633	4.737.821.494
Các khoản dự phòng	03		120.830.732	-
(Lãi) hoạt động đầu tư	05		(68.635.704)	(3.567.143.701)
Chi phí lãi vay	06		2.315.876.449	4.652.159.038
Lợi nhuận từ hoạt động kinh doanh trước thay đổi vốn lưu động	08		10.790.362.262	(3.139.081.874)
(Tăng), giảm khoản phải thu	09		2.784.134.265	(1.562.942.723)
Giảm, (Tăng) hàng tồn kho	10		(695.004.770)	(103.650.011)
(Giảm), Tăng các khoản phải trả (không kể lãi vay phải trả, thuế thu nhập doanh nghiệp phải nộp)	11		3.315.092.742	(4.879.014.735)
Giảm, (Tăng) chi phí trả trước	12		(534.103.396)	1.183.947.445
Tiền lãi vay đã trả	14		(2.315.876.449)	(512.353.206)
Lưu chuyển tiền thuần từ hoạt động kinh doanh	20		13.344.604.654	(9.013.095.104)
Lưu chuyển tiền từ hoạt động đầu tư				
Tiền chi để mua sắm, xây dựng TSCĐ và các tài sản dài hạn khác	21		(2.454.021.273)	(365.006.532)
Tiền thu hồi cho vay, bán lại các công cụ nợ của đơn vị khác	24		-	4.245.700.000
Tiền chi đầu tư góp vốn vào đơn vị khác	25		-	(5.000.000.000)
Tiền thu hồi đầu tư góp vốn vào đơn vị khác	26		-	8.550.000.000
Tiền thu lãi vay, cổ tức và lợi nhuận được chia	27		68.635.704	17.143.701
Lưu chuyển tiền thuần từ hoạt động đầu tư	30		(2.385.385.569)	7.447.837.169

BÁO CÁO LƯU CHUYỂN TIỀN TỆ
(Theo phương pháp gián tiếp)
Cho năm tài chính kết thúc ngày 31/12/2024

Chi tiêu	Mã số	Thuyết minh	Năm 2024 VND	Năm 2023 VND
Lưu chuyển tiền từ hoạt động tài chính				
Tiền trả nợ gốc vay	34		(5.850.000.000)	(464.583.341)
Lưu chuyển tiền thuần từ hoạt động tài chính	40		(5.850.000.000)	(464.583.341)
Lưu chuyển tiền thuần trong năm	50		5.109.219.085	(2.029.841.276)
Tiền và tương đương tiền đầu năm	60	V.1	2.354.813.607	4.384.654.883
Ảnh hưởng của thay đổi tỷ giá hối đoái quy đổi ngoại tệ	61		-	-
Tiền và tương đương tiền cuối năm	70	V.1	7.464.032.692	2.354.813.607

Hà Nội, ngày 19 tháng 06 năm 2025

Người lập biểu

Vũ Thị Trang

Kế toán trưởng

Phạm Thị Lan Hương



Giám đốc

Nguyễn Đình Công

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH

(Các thuyết minh này là bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với Báo cáo tài chính)

I. ĐẶC ĐIỂM HOẠT ĐỘNG CỦA DOANH NGHIỆP**1. Hình thức sở hữu vốn**

Công ty Cổ phần Đầu tư và Phát triển năng lượng Việt Nam, (sau đây được gọi là “Công ty”) được thành lập và hoạt động theo Giấy chứng nhận đăng ký kinh doanh số 0103006297 ngày 28/12/2004 do Sở Kế hoạch và Đầu tư TP Hà Nội cấp. Hiện Công ty hoạt động theo Giấy chứng nhận đăng ký doanh nghiệp Công ty Cổ phần số 0101601945, đăng ký thay đổi lần thứ 16 ngày 25/03/2025.

Trụ sở chính của Công ty hiện đặt tại: Tầng 2 nhà D khu văn phòng và nhà ở cao cấp Vinaconex 1, số 289A đường Khuất Duy Tiến, Phường Trung Hòa, Quận Cầu Giấy, Thành phố Hà Nội, Việt Nam.

Vốn điều lệ của Công ty theo đăng ký là 56.250.000.000 đồng, vốn điều lệ thực góp đến ngày 31/12/2024 là 56.250.000.000 đồng; tương đương 5.625.000 cổ phần, mệnh giá một cổ phần là 10.000 đồng.

Tổng số nhân viên của Công ty tại ngày 31/12/2024 là 325 người (tại ngày 31/12/2023 là 249 người).

2. Lĩnh vực kinh doanh

Trong năm, Công ty chủ yếu hoạt động cung cấp dịch vụ đào tạo lái xe, cho thuê xe và cơ sở vật chất.

3. Ngành nghề kinh doanh

Ngành nghề kinh doanh chính của Công ty bao gồm:

- Đào tạo trung cấp;
- Giáo dục sơ cấp;
- Sản xuất gỗ dán, gỗ lạng, ván ép và ván mỏng khác;
- Sản xuất sản phẩm từ gỗ;
- Sản xuất sản phẩm từ tre, nứa, rom, rạ và vật liệu tết bện;
- Cửa xẻ, bảo gỗ và bảo quản gỗ;
- Bán buôn thiết bị và linh kiện điện tử, viễn thông;
- Bán buôn thực phẩm;
- Bán lẻ thực phẩm trong các cửa hàng chuyên doanh;
- Cho thuê xe có động cơ;
- Giáo dục khác chưa được phân vào đâu; Dịch vụ hỗ trợ giáo dục.

4. Chu kỳ sản xuất, kinh doanh thông thường

Chu kỳ sản xuất, kinh doanh thông thường của Công ty được thực hiện trong thời gian không quá 12 tháng.

5. Cấu trúc doanh nghiệp

Tại ngày 31/12/2024, Công ty có 01 đơn vị hoạt động độc lập, hạch toán phụ thuộc là Trường Trung cấp Kinh tế - Kỹ thuật công nghiệp Hòa Bình, địa chỉ tại Xã Liên Sơn, Huyện Lương Sơn, Tỉnh Hòa Bình. Hoạt động chính của Trường là đào tạo nghề.

6. Tuyên bố về khả năng so sánh thông tin trên Báo cáo tài chính

Số liệu so sánh là số liệu trong Báo cáo tài chính cho năm tài chính kết thúc ngày 31/12/2023 và hoàn toàn có thể so sánh được.

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (TIẾP)

(Các thuyết minh này là bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với Báo cáo tài chính)

II. NĂM TÀI CHÍNH, ĐƠN VỊ TIỀN TỆ SỬ DỤNG TRONG KẾ TOÁN

1. Năm tài chính

Năm tài chính của Công ty bắt đầu từ ngày 01 tháng 01 và kết thúc vào ngày 31 tháng 12 năm Dương lịch. Báo cáo tài chính này được lập cho năm tài chính kết thúc ngày 31/12/2024.

2. Đơn vị tiền tệ sử dụng trong kế toán

Đơn vị tiền tệ sử dụng trong kế toán là Đồng Việt Nam (VND).

III. CHUẨN MỰC VÀ CHẾ ĐỘ KẾ TOÁN ÁP DỤNG

1. Chuẩn mực và chế độ kế toán áp dụng

Công ty áp dụng các chuẩn mực kế toán, Chế độ kế toán doanh nghiệp Việt Nam được ban hành theo Thông tư số 200/2014/TT-BTC ngày 22 tháng 12 năm 2014 của Bộ Tài chính (Thông tư 200) hướng dẫn Chế độ kế toán doanh nghiệp và Thông tư số 53/2016/TT-BTC ngày 21/03/2016 (Thông tư 53) sửa đổi, bổ sung một số điều của Thông tư số 200/2014/TT-BTC của Bộ Tài chính hướng dẫn Chế độ kế toán doanh nghiệp, các thông tư hướng dẫn thực hiện chuẩn mực kế toán của Bộ Tài chính, các quy định pháp lý khác có liên quan đến việc lập và trình bày Báo cáo tài chính.

2. Tuyên bố về việc tuân thủ chuẩn mực kế toán và chế độ kế toán

Ban Giám đốc đảm bảo đã tuân thủ yêu cầu của các chuẩn mực kế toán, Chế độ kế toán doanh nghiệp Việt Nam được ban hành theo Thông tư 200 hướng dẫn Chế độ kế toán doanh nghiệp và Thông tư 53 sửa đổi, bổ sung một số điều của Thông tư 200 của Bộ Tài chính hướng dẫn Chế độ kế toán doanh nghiệp, các thông tư hướng dẫn thực hiện chuẩn mực kế toán của Bộ Tài chính, các quy định pháp lý khác có liên quan đến việc lập và trình bày Báo cáo tài chính.

IV. CÁC CHÍNH SÁCH KẾ TOÁN ÁP DỤNG

Sau đây là những chính sách kế toán quan trọng được Công ty áp dụng trong việc lập Báo cáo tài chính:

1. Cơ sở lập Báo cáo tài chính

Báo cáo tài chính kèm theo được trình bày bằng đồng Việt Nam, theo nguyên tắc giá gốc và phù hợp với Chuẩn mực kế toán Việt Nam, Chế độ kế toán doanh nghiệp Việt Nam và các quy định pháp lý có liên quan đến việc lập và trình bày báo cáo tài chính.

Báo cáo tài chính kèm theo không nhằm phản ánh tình hình tài chính, kết quả hoạt động kinh doanh và tình hình lưu chuyển tiền tệ theo các nguyên tắc và thông lệ kế toán được chấp nhận chung tại các nước khác ngoài Việt Nam.

Đơn vị trực thuộc có tổ chức công tác kế toán riêng, hạch toán phụ thuộc. Báo cáo tài chính của toàn Công ty được lập trên cơ sở tổng hợp báo cáo tài chính của đơn vị trực thuộc và Văn phòng Công ty. Doanh thu, chi phí và số dư giữa các đơn vị trực thuộc, văn phòng Công ty được loại trừ khi lập báo cáo tài chính của Công ty.

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (TIẾP)*(Các thuyết minh này là bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với Báo cáo tài chính)***IV. CÁC CHÍNH SÁCH KẾ TOÁN ÁP DỤNG (TIẾP)****2. Ước tính kế toán**

Việc lập Báo cáo tài chính tuân thủ theo các Chuẩn mực Kế toán Việt Nam yêu cầu Ban Giám đốc phải có những ước tính và giả định ảnh hưởng đến số liệu báo cáo về các khoản công nợ, tài sản và việc trình bày các khoản công nợ và tài sản tiềm tàng tại ngày lập Báo cáo tài chính cũng như các số liệu báo cáo về doanh thu và chi phí trong suốt năm tài chính. Kết quả hoạt động kinh doanh thực tế có thể khác với các ước tính, giả định đặt ra.

3. Tiền và các khoản tương đương tiền

Tiền bao gồm tiền mặt tại quỹ và tiền gửi ngân hàng không kỳ hạn.

4. Các khoản đầu tư tài chính*Đầu tư nắm giữ đến ngày đáo hạn*

Các khoản đầu tư nắm giữ đến ngày đáo hạn là các khoản tiền gửi ngân hàng có kỳ hạn được nắm giữ đến ngày đáo hạn với mục đích thu lãi hàng kỳ.

Đầu tư vào Công ty liên kết

Khoản đầu tư được phân loại là đầu tư vào công ty liên kết khi Công ty có ảnh hưởng đáng kể nhưng không phải là công ty con hoặc công ty liên doanh (nhà đầu tư nắm giữ trực tiếp hoặc gián tiếp từ 20% đến dưới 50% quyền biểu quyết của bên nhận đầu tư mà không có thỏa thuận khác).

Thời điểm ghi nhận ban đầu của khoản đầu tư vào Công ty liên kết là thời điểm Công ty đạt được quyền đồng kiểm soát hoặc đạt được quyền biểu quyết ảnh hưởng đáng kể đến bên nhận đầu tư.

Các khoản đầu tư vào Công ty liên kết được phản ánh trên báo cáo tài chính của Công ty theo giá gốc (giá mua và các chi phí mua trực tiếp liên quan) trừ đi dự phòng tổn thất đầu tư. Việc lập dự phòng tổn thất đầu tư căn cứ vào giá trị khoản lỗ lũy kế trên báo cáo tài chính của công ty liên kết và có thể được hoàn nhập khi có lãi. Sự tăng hoặc giảm khoản dự phòng giảm giá đầu tư tài chính được hạch toán vào chi phí tài chính trong năm.

Đầu tư góp vốn vào đơn vị khác

Đầu tư góp vốn vào đơn vị khác là các khoản đầu tư vào công cụ vốn của đơn vị khác nhưng không có quyền kiểm soát hoặc đồng kiểm soát, không có ảnh hưởng đáng kể đối với bên được đầu tư. Các khoản đầu tư này được ghi nhận ban đầu theo giá gốc. Sau khi ghi nhận ban đầu, giá trị các khoản đầu tư này được xác định theo giá gốc trừ đi dự phòng tổn thất khoản đầu tư.

Dự phòng tổn thất khoản các khoản đầu tư được lập khi Công ty bên nhận đầu tư bị lỗ, căn cứ Báo cáo tài chính bên nhận đầu tư tại thời điểm trích dự phòng.

5. Các khoản phải thu

Các khoản nợ phải thu được trình bày theo giá trị ghi sổ trừ đi các khoản dự phòng phải thu khó đòi.

Việc phân loại các khoản phải thu được thực hiện theo nguyên tắc sau:

- Phải thu của khách hàng phản ánh các khoản phải thu mang tính chất thương mại phát sinh từ giao dịch có tính chất mua – bán giữa Công ty và người mua là đơn vị độc lập với Công ty, bao gồm cả các khoản phải thu về tiền bán hàng xuất khẩu ủy thác cho đơn vị khác.
- Phải thu khác phản ánh các khoản phải thu không có tính thương mại, không liên quan đến giao dịch mua – bán.

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (TIẾP)*(Các thuyết minh này là bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với Báo cáo tài chính)***IV. CÁC CHÍNH SÁCH KẾ TOÁN ÁP DỤNG (TIẾP)****5. Các khoản phải thu (tiếp)**

Dự phòng nợ phải thu khó đòi được trích lập cho các khoản: nợ phải thu quá hạn thanh toán ghi trong hợp đồng kinh tế, các khế ước vay nợ, cam kết hợp đồng hoặc cam kết nợ và nợ phải thu chưa đến hạn thanh toán nhưng khó có khả năng thu hồi. Trong đó, việc trích lập dự phòng nợ phải thu quá hạn thanh toán được căn cứ vào thời gian trả nợ gốc theo hợp đồng mua bán ban đầu, không tính đến việc gia hạn nợ giữa các bên và nợ phải thu chưa đến hạn thanh toán nhưng khách nợ đã lâm vào tình trạng phá sản hoặc đang làm thủ tục giải thể, mất tích, bỏ trốn.

6. Hàng tồn kho

Hàng tồn kho được xác định trên cơ sở giá thấp hơn giữa giá gốc và giá trị thuần có thể thực hiện được. Giá gốc của hàng tồn kho bao gồm các khoản chi phí để có được hàng tồn kho ở địa điểm và trạng thái hiện tại, bao gồm: giá mua, các loại thuế không được hoàn lại, chi phí vận chuyển, bốc xếp, bảo quản trong quá trình mua hàng, hao hụt định mức, và các chi phí khác có liên quan trực tiếp đến việc mua hàng tồn kho.

Công ty áp dụng phương pháp kê khai thường xuyên để hạch toán hàng tồn kho. Giá xuất của hàng tồn kho được tính theo phương pháp bình quân gia quyền.

7. Tài sản cố định hữu hình

Tài sản cố định hữu hình được trình bày theo nguyên giá trừ giá trị hao mòn lũy kế.

Nguyên giá tài sản cố định hữu hình bao gồm giá mua và toàn bộ các chi phí liên quan khác liên quan trực tiếp đến việc đưa tài sản vào trạng thái sẵn sàng sử dụng.

Đối với các tài sản cố định đã đưa vào sử dụng nhưng chưa có quyết toán chính thức sẽ được tạm ghi tăng nguyên giá tài sản cố định và trích khấu hao, khi có quyết toán chính thức sẽ điều chỉnh lại nguyên giá và khấu hao tương ứng.

Chi phí liên quan đến tài sản cố định hữu hình phát sinh sau ghi nhận ban đầu phải được ghi nhận là chi phí sản xuất, kinh doanh trong năm tài chính, trừ khi chi phí này có khả năng chắc chắn làm cho tài sản cố định hữu hình tạo ra lợi ích kinh tế trong tương lai nhiều hơn mức hoạt động được đánh giá ban đầu thì được ghi tăng nguyên giá tài sản cố định hữu hình.

Tài sản cố định hữu hình được khấu hao theo phương pháp đường thẳng dựa trên thời gian hữu dụng ước tính. Thời gian khấu hao cụ thể như sau:

<i>Loại tài sản</i>	<i>Thời gian sử dụng (năm)</i>
- Nhà cửa, vật kiến trúc	05 - 47
- Máy móc, thiết bị	04 - 15
- Phương tiện vận tải	06 - 10
- Thiết bị văn phòng	03 - 06
- Tài sản cố định khác	10

Công ty ghi nhận Tài sản cố định hữu hình và Khấu hao tài sản cố định thực hiện theo Chuẩn mực kế toán Việt Nam số 03 - Tài sản cố định hữu hình, Thông tư số 200/2014/TT-BTC ngày 22/12/2014 của Bộ Tài chính hướng dẫn chế độ kế toán doanh nghiệp, Thông tư 45/2013/TT - BTC ngày 25/04/2013 (Thông tư 45) hướng dẫn chế độ quản lý, sử dụng và trích khấu hao tài sản cố định và Thông tư 147/2016/TT-BTC ngày 13/10/2016 (Thông tư 147) về sửa đổi, bổ sung một số điều của Thông tư số 45 và Thông tư 28/2017/TT-BTC ngày 12/04/2017 về sửa đổi, bổ sung một số điều của Thông tư số 45 và Thông tư số 147 của Bộ Tài chính.

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (TIẾP)*(Các thuyết minh này là bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với Báo cáo tài chính)***IV. CÁC CHÍNH SÁCH KẾ TOÁN ÁP DỤNG (TIẾP)****8. Tài sản cố định vô hình*****Quyền sử dụng đất có thời hạn***

Nguyên giá quyền sử dụng đất có thời hạn là những chi phí liên quan như tiền thuê đất trả trước/chí phí đền bù, giải phóng, cải tạo mặt bằng, chi phí tư vấn pháp lý và/hoặc giá trị lô đất được Chính phủ phê duyệt tại thời điểm góp vốn. Quyền sử dụng đất được khấu hao theo phương pháp đường thẳng trong thời gian hữu dụng ước tính của quyền sử dụng đất/thời gian thuê là 50 năm kể từ ngày 01/01/2018.

Phần mềm máy tính

Giá mua phần mềm máy tính mới mà phần mềm này không phải là một bộ phận gắn kết với phần cứng có liên quan thì được vốn hoá và hạch toán như tài sản cố định vô hình. Phần mềm máy tính được khấu hao theo phương pháp đường thẳng trong thời gian 5 - 10 năm.

9. Chi phí trả trước

Chi phí trả trước bao gồm các chi phí thực tế đã phát sinh nhưng có liên quan đến kết quả hoạt động sản xuất kinh doanh của nhiều kỳ kế toán. Chi phí trả trước bao gồm: công cụ, dụng cụ đã xuất dùng chờ phân bổ, chi phí sửa chữa lớn tài sản cố định và các khoản chi phí trả trước khác.

Công cụ dụng cụ: Các công cụ dụng cụ đã đưa vào sử dụng được phân bổ vào chi phí theo phương pháp đường thẳng không quá 36 tháng.

Chi phí sửa chữa lớn tài sản cố định được ghi nhận theo chi phí thực tế phát sinh và được phân bổ theo phương pháp đường thẳng trong thời gian từ 12 tháng đến 36 tháng.

Các khoản chi phí trả trước khác được ghi nhận theo nguyên giá và được phân bổ theo phương pháp đường thẳng trong thời gian từ 12 tháng đến 36 tháng hoặc theo thời hạn mua.

10. Nợ phải trả

Nợ phải trả là các khoản phải thanh toán cho nhà cung cấp và các đối tượng khác. Nợ phải trả bao gồm các khoản phải trả người bán và phải trả khác. Nợ phải trả không ghi nhận thấp hơn nghĩa vụ phải thanh toán. Việc phân loại các khoản nợ phải trả được thực hiện theo nguyên tắc sau:

Các khoản nợ phải trả được ghi nhận theo giá gốc, bao gồm:

- Phải trả người bán gồm các khoản phải trả mang tính chất thương mại phát sinh từ giao dịch mua hàng hóa, dịch vụ, tài sản và người bán là đơn vị độc lập với người mua, gồm cả các khoản phải trả giữa công ty mẹ và công ty con, công ty liên doanh, liên kết.
- Phải trả khác gồm các khoản phải trả không có tính thương mại, không liên quan đến giao dịch mua, bán, cung cấp hàng hóa dịch vụ.

Các khoản phải trả được theo dõi chi tiết theo từng đối tượng và kỳ hạn phải trả.

11. Chi phí phải trả

Các khoản phải trả cho hàng hóa, dịch vụ đã nhận được từ người bán hoặc đã được cung cấp cho người mua trong kỳ báo cáo nhưng thực tế chưa chi trả và các khoản phải trả khác được ghi nhận vào chi phí sản xuất, kinh doanh của kỳ báo cáo.

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (TIẾP)*(Các thuyết minh này là bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với Báo cáo tài chính)***IV. CÁC CHÍNH SÁCH KẾ TOÁN ÁP DỤNG (TIẾP)****11. Chi phí phải trả (tiếp)**

Việc trích trước vào chi phí sản xuất, kinh doanh trong năm tài chính được tính toán một cách chặt chẽ và phải có bằng chứng hợp lý, tin cậy về các khoản chi phí phải trích trước trong năm tài chính, để đảm bảo số chi phí phải trả hạch toán vào tài khoản này phù hợp với số chi phí thực tế phát sinh, phù hợp doanh thu phát sinh trong năm tài chính. Các khoản chi phí phải trả sẽ được quyết toán với số chi phí thực tế phát sinh, số chênh lệch giữa số trích trước và chi phí thực tế được hoàn nhập.

12. Vay và chi phí đi vay

Các khoản vay được theo dõi theo từng đối tượng cho vay, từng kế ước vay nợ và kỳ hạn phải trả của khoản vay.

Chi phí đi vay liên quan trực tiếp đến việc mua, đầu tư xây dựng hoặc sản xuất những tài sản cần một thời gian tương đối dài để hoàn thành đưa vào sử dụng hoặc kinh doanh được cộng vào nguyên giá tài sản cho đến khi tài sản đó được đưa vào sử dụng hoặc kinh doanh. Các khoản thu nhập phát sinh từ việc đầu tư tạm thời các khoản vay được ghi giảm nguyên giá tài sản có liên quan.

Tất cả các chi phí đi vay khác được ghi nhận là chi phí sản xuất, kinh doanh trong năm tài chính khi phát sinh.

13. Vốn chủ sở hữu

Vốn góp của chủ sở hữu được ghi nhận theo số vốn thực tế đã góp của các cổ đông.

Lợi nhuận sau thuế chưa phân phối là số lợi nhuận (lãi hoặc lỗ) từ hoạt động của doanh nghiệp sau khi trừ chi phí thuế TNDN của năm nay và các khoản điều chỉnh do áp dụng hồi tố do thay đổi chính sách kế toán và điều chỉnh hồi tố do sai sót trọng yếu của các năm trước.

Lợi nhuận sau thuế thu nhập doanh nghiệp được phân phối cho các cổ đông sau khi đã trích lập các quỹ theo Điều lệ của Công ty cũng như các quy định của pháp luật và đã được Đại hội đồng cổ đông phê duyệt.

Việc phân phối lợi nhuận cho các cổ đông được cân nhắc đến các khoản mục phi tiền tệ nằm trong lợi nhuận sau thuế chưa phân phối có thể ảnh hưởng đến luồng tiền và khả năng chi trả cổ tức như lãi do đánh giá lại tài sản mang đi góp vốn, lãi do đánh giá lại các khoản mục tiền tệ, các công cụ tài chính là các khoản mục phi tiền tệ khác.

14. Ghi nhận doanh thu

Doanh thu của Công ty bao gồm doanh thu cung cấp dịch vụ, doanh thu hoạt động tài chính:

Doanh thu từ hoạt động cung cấp dịch vụ:

Doanh thu cung cấp dịch vụ được ghi nhận khi kết quả giao dịch đó được xác định một cách đáng tin cậy. Trường hợp giao dịch về cung cấp dịch vụ liên quan đến nhiều năm thì doanh thu được ghi nhận trong năm theo kết quả phân công việc đã hoàn thành tại ngày của bảng cân đối kế toán của năm đó. Kết quả của giao dịch cung cấp dịch vụ được xác định khi thỏa mãn tất cả bốn (4) điều kiện sau:

- (a) Doanh thu được xác định tương đối chắc chắn;
- (b) Có khả năng thu được lợi ích kinh tế từ giao dịch cung cấp dịch vụ đó;
- (c) Xác định được phần công việc đã hoàn thành vào ngày kết thúc năm tài chính;
- (d) Xác định được chi phí phát sinh của giao dịch và chi phí để hoàn thành giao dịch cung cấp dịch vụ đó.

Phần công việc cung cấp dịch vụ đã hoàn thành được xác định theo phương pháp đánh giá công việc hoàn thành.

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (TIẾP)*(Các thuyết minh này là bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với Báo cáo tài chính)***IV. CÁC CHÍNH SÁCH KẾ TOÁN ÁP DỤNG (TIẾP)****14. Ghi nhận doanh thu (tiếp)***Doanh thu hoạt động tài chính*

Lãi từ các khoản đầu tư dài hạn được ước tính và ghi nhận quyền nhận các khoản lãi từ các Công ty nhận đầu tư được xác lập.

Lãi tiền gửi ngân hàng được ghi nhận dựa trên cơ sở thời gian, lãi suất thực tế từng kỳ và thông báo hàng kỳ của ngân hàng; lãi cho vay được ghi nhận trên cơ sở thời gian và lãi suất thực tế từng kỳ.

15. Ghi nhận giá vốn

Giá vốn hàng bán trong năm được ghi nhận phù hợp với doanh thu phát sinh trong năm và đảm bảo tuân thủ nguyên tắc thận trọng.

16. Thuế và các khoản phải nộp Nhà nước*Thuế giá trị gia tăng (VAT)*

Công ty áp dụng việc kê khai, tính thuế giá trị gia tăng theo hướng dẫn của luật thuế giá trị gia tăng hiện hành.

Thuế thu nhập doanh nghiệp

Chi phí thuế thu nhập doanh nghiệp bao gồm thuế thu nhập doanh nghiệp hiện hành và thuế thu nhập doanh nghiệp hoãn lại.

Thuế thu nhập hiện hành

Thuế thu nhập hiện hành là khoản thuế được tính dựa trên thu nhập tính thuế. Thu nhập tính thuế chênh lệch so với lợi nhuận kế toán là do điều chỉnh các khoản chênh lệch tạm thời giữa thuế và kế toán, các chi phí không được trừ cũng như điều chỉnh các khoản thu nhập không phải chịu thuế và các khoản lỗ được chuyển.

Thuế thu nhập hoãn lại

Thuế thu nhập hoãn lại là khoản thuế thu nhập doanh nghiệp sẽ phải nộp hoặc sẽ được hoãn lại do chênh lệch tạm thời giữa giá trị ghi sổ của tài sản và nợ phải trả cho mục đích lập Báo cáo tài chính và cơ sở tính thuế thu nhập. Thuế thu nhập hoãn lại phải trả được ghi nhận cho tất cả các khoản chênh lệch tạm thời chịu thuế. Tài sản thuế thu nhập hoãn lại chỉ được ghi nhận khi chắc chắn trong tương lai sẽ có lợi nhuận tính thuế để sử dụng những chênh lệch tạm thời được khấu trừ này.

Giá trị ghi sổ của tài sản thuế thu nhập doanh nghiệp hoãn lại được xem xét lại vào ngày kết thúc năm tài chính và sẽ được ghi giảm đến mức đảm bảo chắc chắn có đủ lợi nhuận tính thuế cho phép lợi ích của một phần hoặc toàn bộ tài sản thuế thu nhập hoãn lại được sử dụng. Các tài sản thuế thu nhập doanh nghiệp hoãn lại chưa được ghi nhận trước đây được xem xét lại vào ngày kết thúc năm tài chính và được ghi nhận khi chắc chắn có đủ lợi nhuận tính thuế để có thể sử dụng các tài sản thuế thu nhập hoãn lại chưa ghi nhận này.

Tài sản thuế thu nhập hoãn lại và thuế thu nhập hoãn lại phải trả được xác định theo thuế suất dự tính sẽ áp dụng cho năm tài sản được thu hồi hay nợ phải trả được thanh toán dựa trên các mức thuế suất có hiệu lực tại ngày kết thúc năm tài chính. Thuế thu nhập hoãn lại được ghi nhận vào Báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh và chi ghi trực tiếp vào vốn chủ sở hữu khi khoản thuế đó liên quan đến các khoản mục được ghi thẳng vào vốn chủ sở hữu.

1016
CỘNG
HÒA
XÃ HỘI
CHUYÊN
CHÁNH
ĐỊNH
GIÁ

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (TIẾP)

(Các thuyết minh này là bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với Báo cáo tài chính)

IV. CÁC CHÍNH SÁCH KẾ TOÁN ÁP DỤNG (TIẾP)

16. Thuế và các khoản phải nộp Nhà nước (tiếp)

Tài sản thuế thu nhập hoãn lại và nợ thuế thu nhập hoãn lại phải trả được bù trừ khi:

- Công ty có quyền hợp pháp được bù trừ giữa tài sản thuế thu nhập hiện hành với thuế thu nhập hiện hành phải nộp; và
- Các tài sản thuế thu nhập hoãn lại và thuế thu nhập hoãn lại phải trả này liên quan đến thuế thu nhập doanh nghiệp được quản lý bởi cùng một cơ quan thuế:
 - Đối với cùng một đơn vị chịu thuế; hoặc
 - Công ty dự định thanh toán thuế thu nhập hiện hành phải trả và tài sản thuế thu nhập hiện hành trên cơ sở thuần hoặc thu hồi tài sản đồng thời với việc thanh toán nợ phải trả trong từng kỳ tương lai khi các khoản trọng yếu của thuế thu nhập hoãn lại phải trả hoặc tài sản thuế thu nhập hoãn lại được thanh toán hoặc thu hồi.

Thuế suất thuế thu nhập doanh nghiệp cho kỳ kế toán kết thúc ngày 31/12/2024 là 20%.

Việc xác định thuế thu nhập của Công ty căn cứ vào các quy định hiện hành về thuế. Tuy nhiên, những quy định này thay đổi theo từng thời kỳ và việc xác định sau cùng về thuế thu nhập doanh nghiệp tùy thuộc vào kết quả kiểm tra của cơ quan thuế có thẩm quyền. Các loại thuế, phí khác doanh nghiệp thực hiện kê khai và nộp cho cơ quan thuế địa phương theo các luật thuế hiện hành tại Việt Nam.

17. Bên liên quan

Các bên được coi là liên quan nếu một bên có khả năng kiểm soát hoặc có ảnh hưởng đáng kể đối với bên kia trong việc ra quyết định các chính sách tài chính và hoạt động. Bên liên quan bao gồm:

- Những doanh nghiệp có quyền kiểm soát, hoặc bị kiểm soát trực tiếp hoặc gián tiếp thông qua một hoặc nhiều bên trung gian.
- Các cá nhân có quyền trực tiếp hoặc gián tiếp biểu quyết ở các doanh nghiệp Báo cáo dẫn đến có ảnh hưởng đáng kể tới doanh nghiệp này, các nhân viên quản lý chủ chốt có quyền và trách nhiệm về việc lập kế hoạch, quản lý và kiểm soát các hoạt động của Công ty kể cả các thành viên mật thiết trong gia đình của các cá nhân này.
- Các doanh nghiệp do các cá nhân được nêu trên nắm trực tiếp hoặc gián tiếp quyền biểu quyết hoặc người đó có thể có ảnh hưởng đáng kể tới doanh nghiệp.

Khi xem xét từng mối quan hệ của các bên liên quan, bản chất của mỗi quan hệ được chú ý tới chứ không phải chỉ hình thức pháp lý của các quan hệ đó.

18. Lãi cơ bản trên cổ phiếu

Lãi cơ bản trên cổ phiếu được tính bằng cách chia lợi nhuận hoặc lỗ sau thuế phân bổ cho cổ đông sở hữu cổ phiếu phổ thông của Công ty (sau khi đã điều chỉnh cho việc trích lập Quỹ Khen thưởng, phúc lợi và Quỹ Khen thưởng Ban điều hành) cho số lượng bình quân gia quyền của số cổ phiếu phổ thông đang lưu hành trong năm.

19. Báo cáo bộ phận

Do hoạt động kinh doanh chính của Công ty là dịch vụ đào tạo trong lãnh thổ Việt Nam nên Công ty không lập Báo cáo bộ phận theo lĩnh vực kinh doanh và khu vực địa lý.

31945
CÔNG TY
HẠN
PHÁT TRIỂN
NĂNG LƯỢNG
VIỆT NAM
- LP H

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (TIẾP)*(Các thuyết minh này là bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với Báo cáo tài chính)***V. THÔNG TIN BỔ SUNG CHO CÁC KHOẢN MỤC TRÌNH BÀY TRONG BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN****1. Tiền và các khoản tương đương tiền**

	31/12/2024	01/01/2024
	VND	VND
- Tiền mặt	504.583.422	240.748.366
- Tiền gửi ngân hàng không kỳ hạn	6.959.449.270	2.114.065.241
Cộng	7.464.032.692	2.354.813.607



CÔNG TY CP ĐẦU TƯ VÀ PHÁT TRIỂN NĂNG LƯỢNG VIỆT NAM

Tầng 2 nhà D khu văn phòng và nhà ở cao cấp Vinaconex 1, số 289A đường Khuất Duy Tiến, Quận Cầu Giấy, TP Hà Nội

BÁO CÁO TÀI CHÍNH

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31/12/2024

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (TIẾP)

(Các thuyết minh này là bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với Báo cáo tài chính)

2. Đầu tư tài chính dài hạn

	31/12/2024		01/01/2024	
	Giá gốc	Dự phòng	Giá gốc	Dự phòng
	VND	VND	VND	VND
- Đầu tư vào công ty liên doanh, liên kết	3.126.131.763	(3.126.131.763)	3.126.131.763	(3.126.131.763)
Công ty Cổ phần Đầu tư tài nguyên và năng lượng Lào Cai	3.126.131.763	(3.126.131.763)	3.126.131.763	(*)
- Đầu tư vào đơn vị khác	500.000.000	(500.000.000)	500.000.000	(500.000.000)
Công ty Cổ phần Phát triển Nhân Trí Việt Nam	500.000.000	(500.000.000)	500.000.000	(*)
Cộng	3.626.131.763	(3.626.131.763)	-	(3.626.131.763)

(*) Công ty chưa xác định được giá trị hợp lý của khoản đầu tư tài chính này do Chuẩn mực Kế toán Việt Nam, Chế độ Kế toán doanh nghiệp Việt Nam chưa có hướng dẫn cụ thể về việc xác định giá trị hợp lý.

Thông tin về Công ty đầu tư:

Tên Công ty đầu tư	Nơi Thành lập hoạt động	Tỷ lệ lợi	Tỷ lệ biểu quyết	Hoạt động kinh doanh chính
- Đầu tư vào công ty liên doanh, liên kết				
Công ty Cổ phần Đầu tư tài nguyên và năng lượng Lào Cai	Tỉnh Lào Cai	30,00%	30,00%	Tạm dừng hoạt động
- Đầu tư vào đơn vị khác				
Công ty Cổ phần Phát triển Nhân Trí Việt Nam	Thành phố Hà Nội	11,00%	11,00%	Giáo dục, đào tạo; tư vấn quản lý, tư vấn đầu tư,...



THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (TIẾP)

(Các thuyết minh này là bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với Báo cáo tài chính)

3. Phải thu ngắn hạn của khách hàng

	31/12/2024	01/01/2024
	VND	VND
Phải thu khách hàng là bên liên quan	5.405.106.381	5.405.106.381
- Công ty Cổ phần Đầu tư Tài nguyên và Năng lượng Lào Cai	5.361.906.381	5.361.906.381
- Công ty Cổ phần BVN Hòa Bình	43.200.000	43.200.000
Phải thu khách hàng là bên khác	1.282.669.666	486.304.220
- Công ty Cổ phần Cavico xây dựng Cầu Hầm	270.534.670	270.534.670
- Công ty TNHH Sản xuất và Thương mại Dương Lâm	78.347.650	78.347.650
- Sở Giao thông vận tải tỉnh Hòa Bình	547.759.946	-
- Các đối tượng khác	386.027.400	137.421.900
Cộng	6.687.776.047	5.891.410.601

50194
CÔNG TY
CỔ PHẦN
ĐẦU TƯ VÀ PHÁT
TRIỂN NĂNG LƯỢNG
VIỆT NAM
HÀ NỘI

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (TIẾP)

(Các thuyết minh này là bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với Báo cáo tài chính)

4. Phải thu khác

	31/12/2024		01/01/2024	
	Giá trị VND	Dự phòng VND	Giá trị VND	Dự phòng VND
Phải thu ngắn hạn là các bên liên quan	14.493.000	-	14.493.000	-
- Công ty Cổ phần Đầu tư Tài nguyên và Năng lượng Lào Cai	14.493.000	-	14.493.000	-
Phải thu ngắn hạn là các bên khác	7.732.656.183	-	11.529.522.542	-
- Ký cược, ký quỹ	229.409.000	-	5.000.000	-
- Tạm ứng	5.694.199.753	-	9.701.766.753	-
+ Nguyễn Thị Thanh Huyền	3.110.000.000	-	-	-
+ Vũ Thị Trang	2.230.000.000	-	9.500.000.000	-
+ Nguyễn Thị Tú	195.281.451	-	108.711.451	-
+ Các đối tượng khác	158.918.302	-	93.055.302	-
- Phải thu khác	1.809.047.430	-	1.822.755.789	-
+ Công ty Cổ phần Đầu tư Tài nguyên và Năng lượng Lai Châu	730.195.667	-	730.195.667	-
+ Công ty TNHH Thương mại và Dịch vụ Cơ khí Việt	690.900.000	-	690.900.000	-
+ Công ty Cổ phần Xi măng Mai Sơn	100.000.000	-	100.000.000	-
+ Công ty Cổ phần Chứng khoán Golden Bridge	81.754.728	-	81.754.728	-
+ Các đối tượng khác	206.197.035	-	219.905.394	-
Cộng	7.747.149.183	-	11.544.015.542	-



THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (TIẾP)

(Các thuyết minh này là bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với Báo cáo tài chính)

5. Dự phòng phải thu ngắn hạn khó đòi

	31/12/2024			01/01/2024		
	Thời gian quá hạn	Giá gốc VND	Giá trị có thể thu hồi VND	Thời gian quá hạn	Giá gốc VND	Giá trị có thể thu hồi VND
- Công ty CP Đầu tư tài nguyên và năng lượng Lào Cai	Trên 10 năm	5.361.906.381	-	Trên 10 năm	5.361.906.381	-
- Công ty CP Đầu tư tài nguyên và năng lượng Lai Châu	Trên 10 năm	730.195.667	7.554.000	Trên 10 năm	730.195.667	7.554.000
- Công ty TNHH Thương mại và Dịch vụ cơ khí Việt	Trên 10 năm	690.900.000	-	Trên 10 năm	690.900.000	-
- Công ty CP Cavico Xây dựng Cầu Hàm	Trên 10 năm	270.534.670	-	Trên 10 năm	270.534.670	-
- Công ty CP Xi măng Mai Sơn	Trên 10 năm	100.000.000	-	Trên 10 năm	100.000.000	-
- Công ty CP Chứng khoán Golden Bridge	Trên 10 năm	81.754.728	-	Trên 10 năm	81.754.728	-
- Công ty TNHH Sản xuất và Thương mại Dương Lâm	Trên 10 năm	78.347.650	-	Trên 10 năm	78.347.650	-
- Công ty CP Dịch vụ kỹ thuật Nhật Sơn	Trên 10 năm	69.750.000	-	Trên 10 năm	69.750.000	-
- Các đối tượng khác	Trên 2 năm	198.888.218	3.292.170	Trên 10 năm	198.888.218	3.292.170
Cộng		7.582.277.314	10.846.170		7.582.277.314	10.846.170

6. Hàng tồn kho

	31/12/2024		01/01/2024	
	Giá gốc VND	Dự phòng VND	Giá gốc VND	Dự phòng VND
- Nguyên liệu, vật liệu	22.350.119	-	13.127.799	-
- Công cụ, dụng cụ	1.022.926.094	(120.830.732)	337.143.644	-
Cộng	1.045.276.213	(120.830.732)	350.271.443	-



THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (TIẾP)*(Các thuyết minh này là bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với Báo cáo tài chính)***7. Chi phí trả trước**

	31/12/2024	01/01/2024
	VND	VND
Ngắn hạn	14.884.997	2.964.851
- Công cụ, dụng cụ xuất dùng chờ phân bổ	14.884.997	2.964.851
Dài hạn	1.510.340.773	988.157.523
- Chi phí sửa chữa lớn	694.840.276	-
- Công cụ, dụng cụ xuất dùng chờ phân bổ	803.500.497	67.097.523
- Chi phí giám sát hành trình	-	921.060.000
- Các khoản khác	12.000.000	-
Cộng	1.525.225.770	991.122.374

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (TIẾP)

(Các thuyết minh này là bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với Báo cáo tài chính)

8. Tài sản cố định hữu hình

	Nhà cửa, vật kiến trúc VND	Máy móc, thiết bị VND	Phương tiện vận tải, VND	Thiết bị dụng cụ VND	Khác VND	Cộng VND
NGUYÊN GIÁ						
01/01/2024	51.198.462.557	11.731.638.108	11.917.919.814	582.469.909	2.860.904.101	78.291.394.489
- Tặng do mua sắm	-	2.204.927.273	-	-	175.894.000	2.380.821.273
31/12/2024	51.198.462.557	13.936.565.381	11.917.919.814	582.469.909	3.036.798.101	80.672.215.762
HAO MÒN LŨY KẾ						
01/01/2024	(27.547.969.641)	(7.286.944.614)	(10.457.388.418)	(460.112.546)	(2.574.813.732)	(48.327.228.951)
- Khấu hao trong năm	(1.601.546.184)	(262.356.686)	(279.483.084)	(24.249.828)	(293.419.285)	(2.461.055.067)
31/12/2024	(29.149.515.825)	(7.549.301.300)	(10.736.871.502)	(484.362.374)	(2.868.233.017)	(50.788.284.018)
GIÁ TRỊ CÒN LẠI						
01/01/2024	23.650.492.916	4.444.693.494	1.460.531.396	122.357.363	286.090.369	29.964.165.538
31/12/2024	22.048.946.732	6.387.264.081	1.181.048.312	98.107.535	168.565.084	29.883.931.744

Nguyên giá TSCĐ đã khấu hao hết nhưng vẫn còn sử dụng tại 31/12/2024: 20.584.384.054 đồng (Tại 31/12/2023 là: 17,7 tỷ đồng).

Giá trị còn lại TSCĐ cầm cố, thế chấp tại ngày 31/12/2024: 16.570.337.067 đồng (Tại ngày 31/12/2023 là: 19,5 tỷ đồng).

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (TIẾP)

(Các thuyết minh này là bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với Báo cáo tài chính)

9. Tài sản cố định vô hình

	Quyền sử dụng đất VND	Website VND	Phần mềm máy tính VND	Cộng VND
NGUYÊN GIÁ				
01/01/2024	2.198.712.842	50.000.000	2.560.580.000	4.809.292.842
- Mua trong năm	-	-	73.200.000	73.200.000
31/12/2024	2.198.712.842	50.000.000	2.633.780.000	4.882.492.842
GIÁ TRỊ HAO MÒN				
01/01/2024	(666.214.917)	(50.000.000)	(2.333.131.898)	(3.049.346.815)
- Khấu hao trong năm	(43.974.252)	-	(109.066.314)	(153.040.566)
31/12/2024	(710.189.169)	(50.000.000)	(2.442.198.212)	(3.202.387.381)
GIÁ TRỊ CÒN LẠI				
01/01/2024	1.532.497.925	-	227.448.102	1.759.946.027
31/12/2024	1.488.523.673	-	191.581.788	1.680.105.461

Nguyên giá TSCĐ đã khấu hao hết nhưng vẫn còn sử dụng tại 31/12/2024: 1.667.100.000 đồng (Tại 31/12/2023 là: 1.667.100.000 đồng).

Giá trị còn lại TSCĐ cầm cố, thế chấp tại ngày 31/12/2024: 1.451.150.514 đồng (Tại ngày 31/12/2023 là: 1,495 tỷ đồng)

BÁO CÁO TÀI CHÍNH

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31/12/2024

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (TIẾP)

(Các thuyết minh này là bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với Báo cáo tài chính)

10. Phải trả người bán ngắn hạn

31/12/2024		01/01/2024	
Giá trị	Số có khả năng trả nợ	Giá trị	Số có khả năng trả nợ
VND	VND	VND	VND
85.815.416	85.815.416	85.815.416	85.815.416
65.636.000	65.636.000	65.636.000	65.636.000
-	-	44.365.600	44.365.600
21.810.000	21.810.000	33.710.000	33.710.000
-	-	66.300.000	66.300.000
47.794.032	47.794.032	-	-
36.703.656	36.703.656	-	-
40.947.140	40.947.140	-	-
74.517.840	74.517.840	-	-
88.204.404	88.204.404	270.026.435	270.026.435
461.428.488	461.428.488	565.853.451	565.853.451

11. Người mua trả tiền trước ngắn hạn

31/12/2024		01/01/2024	
Giá trị	Số có khả năng trả nợ	Giá trị	Số có khả năng trả nợ
VND	VND	VND	VND
18.140.000	18.140.000	18.140.000	18.140.000
14.750.000	14.750.000	14.750.000	14.750.000
11.719.565.000	11.719.565.000	3.015.630.000	3.015.630.000
11.752.455.000	11.752.455.000	3.048.520.000	3.048.520.000

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (TIẾP)

(Các thuyết minh này là bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với Báo cáo tài chính)

12. Thuế và các khoản phải thu/phải nộp nhà nước

	01/01/2024	Số phải nộp trong năm	Số đã thực nộp trong năm	31/12/2024
	VND	VND	VND	VND
Thuế và các khoản phải nộp				
- Thuế Giá trị gia tăng	269.563.475	439.488.136	628.476.895	80.574.716
- Thuế Thu nhập cá nhân	-	1.506.635.854	637.524.877	869.110.977
- Phí, lệ phí và các khoản phải nộp khác	-	4.000.000	4.000.000	-
Cộng	269.563.475	1.950.123.990	1.270.001.772	949.685.693
Thuế và các khoản phải thu				
- Thuế Thu nhập cá nhân	26.221.172	26.221.172	-	-
- Thuế Thu nhập doanh nghiệp	9.688.820	-	-	9.688.820
Cộng	35.909.992	-	-	9.688.820

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (TIẾP)

(Các thuyết minh này là bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với Báo cáo tài chính)

13. Phải trả ngắn hạn khác

	31/12/2024	01/01/2024
	VND	VND
- Kinh phí công đoàn	528.150.624	365.930.754
- Bảo hiểm xã hội	9.884.160	71.737.198
- Bảo hiểm y tế	263.250	-
- Bảo hiểm thất nghiệp	217.152	-
- Phải trả khác	32.862.449.077	41.562.055.645
+ Ngân hàng Phát triển Việt Nam - Chi nhánh Hòa Bình	23.727.375.458	32.239.468.581
+ Ngân hàng TMCP Sài Gòn - Hà Nội	9.047.130.811	9.047.130.811
+ Trần Hoài Anh	-	-
+ Thủ lao Hội đồng quản trị và Ban Kiểm soát	-	156.000.000
+ Các khoản khác	87.942.808	119.456.253
Cộng	33.400.964.263	41.999.723.597

1601
ÔNG
Ổ PH
VÀ PH
NG LƯ
T N
YAY -

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (TIẾP)

(Các thuyết minh này là bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với Báo cáo tài chính)

14. Vay và nợ thuê tài chính ngắn hạn

	31/12/2024		Trong năm		01/01/2024	
	Giá trị	Số có khả năng trả nợ	Tăng	Giảm	Giá trị	Số có khả năng trả nợ
	VND	VND	VND	VND	VND	VND
- Ngân hàng Phát triển Việt Nam - Chi nhánh Hòa Bình (*)	12.904.600.720	12.904.600.720	-	5.850.000.000	18.754.600.720	18.754.600.720
Cộng	12.904.600.720	12.904.600.720	-	5.850.000.000	18.754.600.720	18.754.600.720

(*) Khoản vay Ngân hàng Phát triển Việt Nam – Chi nhánh Ngân hàng Phát triển Hòa Bình theo Hợp đồng vay vốn Tín dụng Đầu tư Phát triển của Nhà nước số 19/2007/HĐTD ngày 20/12/2007.

- Hạn mức cho vay là 54.628.656.000 đồng;
- Mục đích sử dụng vốn vay: Dùng để đầu tư phần xây lắp, thiết bị (không bao gồm VAT) của dự án Trường Trung cấp nghề kinh tế - kỹ thuật công nghiệp Hòa Bình theo thiết kế kỹ thuật – dự toán được phê duyệt theo quy định hiện hành của Nhà nước về quản lý dự án đầu tư xây dựng công trình;
- Thời hạn cho vay là: 10 năm (120 tháng), kể từ ngày bên vay nhận được khoản giải ngân đầu tiên theo khế ước nhận nợ (thời hạn ân hạn là: 2,5 năm; thời hạn trả nợ gốc là 7,5 năm)
- Lãi suất cho vay: 8,4% năm
- Lãi suất nợ quá hạn: 150% lãi suất trong hạn (tính trên số dư nợ gốc quá hạn và lãi chậm trả)
- Tài sản đảm bảo vay: 24 xe ô tô đào tạo các hạng; quyền sử dụng đất và các tài sản gắn liền với đất.



THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (TIẾP)

(Các thuyết minh này là bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với Báo cáo tài chính)

15. Vốn chủ sở hữu

a. Bảng đối chiếu biến động của vốn chủ sở hữu

Khoản mục	Vốn góp của chủ sở hữu		Thặng dư vốn cổ phần		Quỹ đầu tư phát triển		Vốn khác của chủ sở hữu		Lợi nhuận sau thuế chưa phân phối		Tổng cộng	
	VND		VND		VND		VND		VND		VND	VND
01/01/2023	56.250.000.000		8.922.401.000		204.421.894		77.282.591		(76.654.726.655)		(11.200.621.170)	
- Lỗ trong năm trước	-		-		-		-		(8.961.918.705)		(8.961.918.705)	
31/12/2023	56.250.000.000		8.922.401.000		204.421.894		77.282.591		(85.616.645.360)		(20.162.539.875)	
01/01/2024	56.250.000.000		8.922.401.000		204.421.894		77.282.591		(85.616.645.360)		(20.162.539.875)	
- Lãi trong năm nay	-		-		-		-		5.808.195.152		5.808.195.152	
31/12/2024	56.250.000.000		8.922.401.000		204.421.894		77.282.591		(79.808.450.208)		(14.354.344.723)	

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (TIẾP)*(Các thuyết minh này là bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với Báo cáo tài chính)***15. Vốn chủ sở hữu (tiếp)****b. Các giao dịch về vốn chủ sở hữu**

	Năm 2024 VND	Năm 2023 VND
- Vốn góp của chủ sở hữu		
+ Vốn góp đầu năm	56.250.000.000	56.250.000.000
+ Vốn góp tăng trong năm	-	-
+ Vốn góp giảm trong năm	-	-
+ Vốn góp cuối năm	56.250.000.000	56.250.000.000
- Cổ tức, lợi nhuận đã chia	-	-

c. Cổ phiếu

	31/12/2024 CP	01/01/2024 CP
Số lượng cổ phiếu đăng ký phát hành	5.625.000	5.625.000
Số lượng cổ phiếu đã bán ra công chúng	5.625.000	5.625.000
+ Cổ phiếu phổ thông	5.625.000	5.625.000
Số lượng cổ phiếu đang lưu hành	5.625.000	5.625.000
+ Cổ phiếu phổ thông	5.625.000	5.625.000
Mệnh giá cổ phiếu (VND/Cổ phiếu)	10.000	10.000

IN: 010
CỔ
CỔ
ĐẦU TƯ
NĂNG
VIỆT
CẦU G

MSD
TINA

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (TIẾP)

(Các thuyết minh này là bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với Báo cáo tài chính)

VI. THÔNG TIN BỔ SUNG CHO CÁC KHOẢN MỤC TRÌNH BÀY TRONG BÁO CÁO KẾT QUẢ HOẠT ĐỘNG KINH DOANH

1. Doanh thu bán hàng và cung cấp dịch vụ

	Năm 2024	Năm 2023
	VND	VND
- Doanh thu đào tạo lái xe	62.316.630.000	21.928.920.000
- Doanh thu cho thuê cơ sở vật chất	4.021.962.084	2.411.002.509
- Doanh thu cho thuê xe chip	4.227.236.410	4.222.400.907
Cộng	70.565.828.494	28.562.323.416

2. Giá vốn hàng bán

	Năm 2024	Năm 2023
	VND	VND
- Giá vốn đào tạo lái xe	58.609.522.112	22.168.425.658
- Giá vốn cho thuê cơ sở vật chất	3.691.414.062	2.621.705.404
- Giá vốn dịch vụ cho thuê xe chip	1.643.481.198	2.158.623.094
- Giá vốn khác	121.870.732	-
Cộng	64.066.288.104	26.948.754.156

3. Doanh thu hoạt động tài chính

	Năm 2024	Năm 2023
	VND	VND
- Lãi tiền gửi, tiền cho vay	68.635.704	17.143.701
- Lãi từ hoạt động mua bán cổ phần của Công ty Cổ phần BVN Hòa Bình	-	3.550.000.000
Cộng	68.635.704	3.567.143.701

4. Chi phí tài chính

	Năm 2024	Năm 2023
	VND	VND
- Chi phí lãi vay	2.315.876.449	4.652.159.038
Cộng	2.315.876.449	4.652.159.038

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (TIẾP)

(Các thuyết minh này là bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với Báo cáo tài chính)

5. Chi phí quản lý doanh nghiệp

	Năm 2024	Năm 2023
	VND	VND
- Chi phí nhân viên quản lý	4.320.296.629	4.007.698.253
- Chi phí công cụ, dụng cụ, đồ dùng	526.868.956	444.529.413
- Chi phí khấu hao TSCĐ	734.403.432	733.295.241
- Thuế, phí, lệ phí	8.371.273	4.000.000
- Chi phí dịch vụ mua ngoài	1.830.955.032	1.243.157.736
- Chi phí bằng tiền khác	1.718.374.871	680.199.318
Cộng	9.139.270.193	7.112.879.961

6. Chi phí sản xuất kinh doanh theo yếu tố

	Năm 2024	Năm 2023
	VND	VND
- Chi phí nguyên vật liệu	11.026.131.140	8.181.664.135
- Chi phí nhân công	32.434.092.164	3.831.193.899
- Chi phí công cụ, dụng cụ, đồ dùng	1.920.284.766	1.581.549.349
- Khấu hao tài sản cố định	2.614.095.633	1.793.642.317
- Thuế, phí và lệ phí	8.371.273	-
- Chi phí dịch vụ mua ngoài	23.484.208.450	11.393.604.456
- Chi phí bằng tiền khác	1.718.374.871	167.100.000
Cộng	73.205.558.297	26.948.754.156

7. Chi phí thuế thu nhập doanh nghiệp hiện hành

	Năm 2024	Năm 2023
	VND	VND
Tổng lợi nhuận kế toán trước thuế	5.808.195.152	(8.961.918.705)
Các khoản chi phí không được trừ	252.650.126	199.785.252
- Chi phí thù lao của thành viên HĐQT không tham gia điều hành	144.000.000	144.000.000
- Các khoản phạt thuế và hành chính	14.974.031	16.369.930
- Chi phí không hợp lý hợp lệ	93.676.095	39.415.322
Tổng thu nhập chịu thuế trong năm	6.060.845.278	(8.762.133.453)
Lỗ được chuyển	(6.060.845.278)	8.762.133.453
Thu nhập tính thuế thu nhập doanh nghiệp	-	-
Thuế suất thuế TNDN	20%	20%
Tổng chi phí thuế thu nhập	-	-

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (TIẾP)

(Các thuyết minh này là bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với Báo cáo tài chính)

7. Chi phí thuế thu nhập doanh nghiệp hiện hành (tiếp)

Kế hoạch chuyển lỗ các khoản lỗ lũy kế đến ngày 31/12/2024 phụ thuộc vào kết quả hoạt động kinh doanh trong tương lai của Công ty. Do Công ty chưa dự tính được khi nào sẽ có lợi nhuận để chuyển lỗ trong thời gian tới nên Công ty chưa ghi nhận tài sản thuế nhập hoãn lại tương ứng trên Báo cáo tài chính này. Các khoản lỗ này (nếu không được chuyển lỗ hàng năm) sẽ đáo hạn theo lịch biểu sau:

Năm phát sinh	Thời gian chuyển lỗ	Tình trạng quyết toán	Lỗ tính thuế	Đã chuyển lỗ đến ngày 31/12/2024	Số lỗ không được chuyển	Số lỗ chưa chuyển tại ngày 31/12/2024
2019	2020-2024	Chưa quyết toán	4.317.337.270	4.317.337.270	-	-
2020	2021-2025	Chưa quyết toán	5.475.006.161	1.749.799.306	-	3.725.206.855
2021	2022-2026	Chưa quyết toán	2.809.625.732	-	-	2.809.625.732
2023	2024-2027	Chưa quyết toán	8.762.133.453	-	-	8.762.133.453
			21.364.102.616	6.067.136.576	-	15.296.966.040

8. Thu nhập khác

	Năm 2024 VND	Năm 2023 VND
- Hoàn nhập chi phí hao mòn TSCĐ	-	113.339.888
- Hoàn nhập chi phí trả trước	-	38.187.964
- Hoàn nhập chi phí trích trước	467.497.000	-
- Hoàn nhập chi phí lãi phạt chậm trả	10.227.969.572	-
- Các khoản thu nhập khác	67.636.364	201.382.239
Cộng	10.763.102.936	352.910.091

9. Chi phí khác

	Năm 2024 VND	Năm 2023 VND
- Các khoản tiền phạt thuế, hành chính	14.974.031	16.369.934
- Điều chỉnh tăng chi phí hao mòn TSCĐ năm 2022	-	1.176.523.988
- Điều chỉnh tăng chi phí trả trước	-	349.382.567
- Khấu hao TSCĐ của Xưởng sản xuất gỗ nén đã ngừng hoạt động	-	1.187.115.158
- Chi phí Xưởng sản xuất gỗ nén ngừng hoạt động	39.291.600	-
- Các khoản chi phí khác	13.671.605	-
Cộng	67.937.236	2.729.391.647

10. Lãi trên cổ phiếu

	Năm 2024 VND	Năm 2023 VND
Lợi nhuận hoặc lỗ phân bổ cho cổ đông sở hữu cổ phiếu phổ thông (VND)	5.688.229.152	(8.961.918.705)
Số bình quân gia quyền của cổ phiếu đang lưu hành	5.625.000	5.625.000
Lãi cơ bản trên cổ phiếu (VND/CP)	1.011	(1.593)

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (TIẾP)

(Các thuyết minh này là bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với Báo cáo tài chính)

VII. NHỮNG THÔNG TIN KHÁC

1. Các sự kiện phát sinh sau ngày kết thúc năm tài chính

Không có sự kiện trọng yếu nào xảy ra sau ngày kết thúc năm tài chính yêu cầu phải được điều chỉnh hoặc công bố trên Báo cáo tài chính này.

2. Giao dịch và số dư với các bên liên quan

Trong năm tài chính kết thúc ngày 31/12/2024, Công ty có giao dịch với các Bên liên quan bao gồm:

STT	Tên Công ty	Mối quan hệ
1	Công ty Cổ phần Đầu tư Tài nguyên và Năng lượng Lào Cai	Công ty liên kết

2a. Giao dịch và số dư với các thành viên quản lý chủ chốt và các cá nhân có liên quan với các thành viên quản lý chủ chốt

		Năm 2024 VND	Năm 2023 VND
Thu nhập của các thành viên chủ chốt		1.446.170.527	-
- Thu nhập và thù lao của Giám đốc		350.350.222	-
- Thu nhập và thù lao của các thành viên khác trong Ban Giám đốc và Hội đồng quản trị		1.038.018.522	-
Ông Nguyễn Thành Quang	Chủ tịch HĐQT (Bổ nhiệm ngày 01/07/2024)	183.333.333	-
Ông Nguyễn Văn Anh	Chủ tịch HĐQT (Miễn nhiệm ngày 25/05/2024)	172.524.000	-
Ông Lại Thế Vĩnh	Thành viên - Giám đốc	350.350.222	-
Ông Dương Văn Sơn	Thành viên Phó Giám đốc Kế toán trưởng	287.366.523	-
Ông Nguyễn Đình Chiến	Thành viên	44.444.444	-
- Thu nhập và thù lao của Ban kiểm soát		57.801.783	-
Bà Nguyễn Thị Vân Anh	Thành viên	57.801.783	-
- Thu nhập và thù lao của Kế toán trưởng		139.102.564	-

Giao dịch với các bên liên quan

		Năm 2024 VND	Năm 2023 VND
Tạm ứng		3.130.000.000	-
- Ông Nguyễn Văn Đức		20.000.000	-
- Bà Nguyễn Thị Thanh Huyền		3.110.000.000	-
Hoàn ứng		20.000.000	-
- Ông Nguyễn Văn Đức		20.000.000	-



ẤN NHẬP

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (TIẾP)

(Các thuyết minh này là bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với Báo cáo tài chính)

2. Giao dịch và số dư với các bên liên quan (tiếp)**2a. Giao dịch và số dư với các thành viên quản lý chủ chốt và các cá nhân có liên quan với các thành viên quản lý chủ chốt (tiếp)****Số dư với các bên liên quan**

	31/12/2024	01/01/2024
	VND	VND
Tạm ứng	3.110.000.000	-
- Bà Nguyễn Thị Thanh Huyền	3.110.000.000	-

2b. Giao dịch và số dư với các bên liên quan khác

Trong năm Công ty không phát sinh giao dịch với các bên liên quan khác.

Số dư với các bên liên quan khác

	31/12/2024	01/01/2024
	VND	VND
Phải thu ngắn hạn khách hàng	5.361.906.381	5.361.906.381
- Công ty Cổ phần Đầu tư Tài nguyên và Năng lượng Lào Cai	5.361.906.381	5.361.906.381
Phải thu ngắn hạn khác	14.493.000	14.493.000
- Công ty Cổ phần Đầu tư Tài nguyên và Năng lượng Lào Cai	14.493.000	14.493.000

3. Giả định hoạt động liên tục

Tại ngày 31/12/2024, tổng giá trị các khoản nợ ngắn hạn lớn hơn tổng tài sản ngắn hạn là 47.428.722.701 đồng, lỗ lũy kế của Công ty là 79.808.450.208 đồng, vượt quá vốn góp của chủ sở hữu. Khả năng tiếp tục hoạt động của Công ty theo khái niệm hoạt động liên tục phụ thuộc và việc hoạt động có lãi trong tương lai và sự hỗ trợ từ chủ sở hữu. Tại ngày lập báo cáo này, không có lý do nào để Ban lãnh đạo Công ty tin rằng chủ sở hữu sẽ không tiếp tục cung cấp các hỗ trợ cho Công ty.

4. Số liệu so sánh

Số liệu so sánh là số liệu trong Báo cáo tài chính cho năm tài chính kết thúc ngày 31/12/2023 của Công ty đã được kiểm toán.

Hà Nội, ngày 19 tháng 06 năm 2025

Người lập biểu

Kế toán trưởng

Giám đốc



Vũ Thị Trang

Phạm Thị Lan Hương

Nguyễn Đình Công